

PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 9 tháng đầu năm	So sánh tỷ lệ (%) HĐND huyện giao	Ghi chú
I	Về kinh tế					
1	Thu nhập Bình quân đầu người	Triệu đồng	48,0	44,0	91,7	
2	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	9.000,0	9.350,70	103,9	
3	Tổng lượng sản xuất hồi tươi	Tấn	19.000,0	22.225,0	117,0	
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	26.400,0	27.935,0	105,8	
5	Xây dựng thêm xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	xã	1,0	xã Trán Ninh đạt 15/19 tiêu chí	80,0	
6	Tỷ lệ thôn có đường ô tô được cứng hóa	%	77,0	75,0	97,4	
7	Tổng lượng khách du lịch	Lượt người	25.000,0	30.842,0	123,4	
II	Về văn hóa - xã hội					
8	Xây dựng thêm trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1,0	5,0	500,0	
9	Tỷ lệ thôn có Nhà văn hóa đạt chuẩn	%	76,0	73,2	96,3	
10	Duy trì các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	Xã	17,0	17,0	100,0	
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm	%	98,0	98,0	100,0	
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ	%	5,0	Đang thực hiện		
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	59,0	58,0	98,3	
13	Kiểm chế sự gia tăng của tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí	%	Kiểm chế TNGT cả 3 tiêu chí	Đang thực hiện		
	Giảm phạm pháp hình sự	%	Giảm phạm pháp hình sự so với cùng kỳ	Đang thực hiện		
III	Chỉ tiêu về môi trường					
14	Trồng rừng mới (trong đó: trồng trên 200 ha rừng Hồi, Sờ)	Ha	750,0	810,0	108,0	
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	62,0	62,5	100,9	
15	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý	%	98,0	98,0	100,0	
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100,0	100,0	100,0	
16	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	99,6	99,54	99,9	
	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch ở thành thị	%	98,0	92,5	94,4	